

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 và áp dụng đối với năm ngân sách 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính (đề b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

## QUY ĐỊNH

### Cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69 /2024/QĐ-UBND ngày 25 /12/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; các đơn vị dự toán cấp 1; các đơn vị sự nghiệp công lập; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan đóng trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

## Chương II

### CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

#### Điều 3. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước

1. Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Cục Thuế tỉnh Nghệ An cùng với Sở Tài chính và các ngành có liên quan thông báo dự toán thu ngân sách nhà nước chi tiết cho các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là cấp huyện).

2. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp huyện: Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Chi cục thuế cấp huyện (khu vực) thông báo dự toán thu ngân sách cho các đơn vị, xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn đảm bảo bao quát hết nguồn thu, không được thấp hơn về tổng thu và cơ cấu nguồn thu theo từng chỉ tiêu của tỉnh giao.

#### Điều 4. Quản lý, điều hành thu ngân sách nhà nước

Thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thuế và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

1. Tiền sử dụng đất được nộp vào ngân sách nhà nước và được điều tiết, phân chia cho các cấp ngân sách theo quy định hiện hành. Sở Tài chính chủ trì phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An, Cục Thuế tỉnh Nghệ An hướng dẫn thực hiện công tác quản lý thu và thu nộp tiền sử dụng đất.

2. Cơ quan tài chính điều hành ngân sách theo tiến độ thu, trường hợp số thu ngân sách nhà nước không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết nghị, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp rà soát, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, dành nguồn dự phòng ngân sách địa phương và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác để bù đắp giảm thu. Sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi tương ứng và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương, kịp thời báo cáo ngân sách cấp trên xem xét, hỗ trợ.

3. Thực hiện phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025. Tỷ lệ điều tiết ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với các khoản thu ngân sách trên địa bàn thành phố Vinh (trước khi sáp nhập), thị xã Cửa Lò và các xã của huyện Nghi Lộc sáp nhập vào thành phố Vinh thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Chương III**

## **CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **Điều 5. Nguyên tắc chung**

Các Sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thanh toán đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán được giao. Trong đó lưu ý:

1. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và khoản 2 Điều 4 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024. Việc hỗ trợ phải tuân thủ

quy trình thủ tục của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, dự toán ngân sách năm 2025 đảm bảo kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

2. Đối với kinh phí hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách địa phương năm 2024 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển theo quy định tại điểm c, khoản 7, Điều 3, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

3. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của các đơn vị hành chính trước khi thực hiện sắp xếp thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Dự toán chi ngân sách đối với đơn vị hành chính hình thành sau khi sắp xếp được tính trên cơ sở cộng gộp dự toán chi ngân sách của các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp theo định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các chính sách, chế độ hiện hành. Việc phân bổ dự toán chi đối với đơn vị hành chính hình thành sau khi sắp xếp do Hội đồng nhân dân quyết định.

4. Dự toán ngân sách năm 2025 khối huyện được tính thêm kinh phí nâng lương định kỳ và các phụ cấp theo quy định; điều chỉnh kinh phí do tăng, giảm biên chế (nếu có) cho các huyện, thành phố, thị xã; tăng số bổ sung cân đối cho các địa phương không quá 3% để các địa phương có thêm nguồn lực đáp ứng các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn theo quy định tại khoản 7, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

## **Điều 6. Chi đầu tư phát triển**

1. Phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Ngân sách các cấp sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng để chi cho các nhiệm vụ sau: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư, đầu tư kết cấu hạ tầng, quỹ địa chính (đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng giá đất); quy hoạch; ủy thác ngân hàng chính sách; xây dựng nông thôn mới; đối ứng các dự án; đối ứng các Chương trình mục tiêu Quốc gia; bổ sung nguồn vốn đầu tư công; trả nợ gốc và lãi, các khoản phí vay, trả tiền mua xi măng làm đường giao thông nông thôn và các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định hiện hành.

3. Đối với kinh phí quy hoạch; bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư, tăng thu, tiết kiệm chi để chi đầu tư phát triển: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu phân bổ theo quy định.

4. Thực hiện việc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán.

5. Đối với công tác thu hồi vốn tạm ứng: Tăng cường thực hiện các giải pháp thu hồi tạm ứng nguồn ngân sách nhà nước quá hạn chưa thu hồi. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan rà soát, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt theo Kế hoạch số 233-KH/TU ngày 21/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, xử lý các vướng mắc, tồn đọng, vi phạm trong thực hiện các dự án đầu tư và công tác quản lý, điều hành, sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Điều 7. Chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh**

### **1. Chi sự nghiệp giao thông:**

Căn cứ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh về kinh phí quản lý bảo trì đường bộ hàng năm; nguồn vốn ngân sách địa phương bố trí theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bố trí ngân sách địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường tỉnh giai đoạn 2022-2025 và kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường thủy nội địa; trên cơ sở đề xuất nhu cầu bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ các tuyến đường bộ và đường thủy nội địa do tỉnh và huyện quản lý, Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra các tuyến đường cần sửa chữa, duy tu. Sở Giao thông vận tải tổng hợp danh mục và dự toán kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

### **2. Chi quốc phòng - an ninh cấp tỉnh:**

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ cho các đơn vị quốc phòng, an ninh đóng trên địa bàn trong để đảm bảo ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ chi hỗ trợ đột xuất trong việc phối hợp nhiệm vụ với địa phương, trên cơ sở văn bản giao việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Kinh phí sự nghiệp ngành, kinh phí phân bổ sau của các ngành, phân bổ sau ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ mà đầu năm chưa đủ điều kiện để phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị. Khi phát sinh nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền quyết định, giao các ngành, cơ quan chủ quản xác định nhiệm vụ và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính để tổng hợp,

tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện theo quy định.

4. Đối với các chính sách chưa được bố trí trong dự toán đầu năm: Giao các ngành, cơ quan chủ quản xác định đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

### **Điều 8. Chi thường xuyên ngân sách cấp huyện**

1. Dự toán cân đối chi thường xuyên ngân sách cấp huyện đã bố trí đủ kinh phí bảo đảm các chế độ, chính sách tiền lương, tiền thưởng theo mức tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng, chi hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Ngoài định mức phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An, ngân sách cấp huyện còn được hỗ trợ bổ sung một số khoản kinh phí để chi cho các hoạt động nghiệp vụ đặc thù được bố trí trên cơ sở nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách. Trên cơ sở dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Thông báo của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phân bổ, giao dự toán chi tiết đến từng nhiệm vụ chi và đơn vị thực hiện; điều hành dự toán ngân sách trên nguyên tắc đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định hiện hành, nâng lương định kỳ và kinh phí chi hoạt động của các đơn vị theo từng lĩnh vực; bố trí các khoản chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề, sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, dự phòng ngân sách không được thấp hơn số Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Sở Tài chính thông báo.

2. Chi sự nghiệp giáo dục cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ, giao dự toán chi tiết cho các đơn vị thực hiện đảm bảo theo đúng quy định. Dự toán chi sự nghiệp giáo dục đã trích trừ 40% học phí sử dụng làm nguồn cải cách tiền lương.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp kinh phí gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kinh phí thực hiện cho các đơn vị theo quy định, trong các trường hợp:

- Do điều chỉnh số người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước khối Trung học phổ thông (cấp huyện quản lý) năm 2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Do điều chỉnh nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực giáo dục; 40% học phí sử dụng làm nguồn cải cách tiền lương.

Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí thực hiện cho các đơn vị theo quy định trong trường hợp điều chỉnh số người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục năm 2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Các huyện phân bổ, giao dự toán bảo đảm kinh phí để thực hiện đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức; kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo quy định.

4. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Dự toán chi sự nghiệp y tế của các đơn vị đã trừ tiền lương thu được từ dịch vụ khám, chữa bệnh tại trạm y tế xã (trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2023 và ước thực hiện năm 2024); Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí quản lý (trong trường hợp chưa kết cấu chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh), hỗ trợ chi thường xuyên trong trường hợp sau khi các đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên đối với khối khám, chữa bệnh thuộc Trung tâm y tế cấp huyện được phân loại là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Đối với kinh phí chi thực hiện công tác phòng dịch, đảm bảo vệ sinh an toàn, vệ sinh thực phẩm trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh và các khoản thu khác (nếu có), đơn vị phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường; sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, kinh tế khác cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện (bao gồm chi thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của các địa phương), đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp huyện. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ, giao dự toán chi trên địa bàn cho phù hợp; trong đó đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường ưu tiên bố trí kinh phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nhất là vùng nông thôn, xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản, hoạt động chăn nuôi, nhà máy xử lý rác thải, khắc phục thiệt hại do thủy điện xả lũ,...; đối với sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, kinh tế khác ưu tiên bố trí kinh phí để chi cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi duy tu bảo dưỡng, làm đường giao thông, thủy lợi thuộc huyện quản lý; chi xây dựng các mô hình kinh tế; chi xây dựng nông thôn mới, kiến thiết thị chính và kinh tế khác,...

6. Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội; sự nghiệp văn hoá, thể thao, truyền thông, du lịch cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện bảo đảm, được cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp huyện; các huyện phân bổ, giao dự toán bảo đảm kinh phí tặng quà cho các đối tượng chính sách, thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm xã hội, văn hoá, thể thao, truyền thông và du lịch,... trên địa bàn phù hợp thực tiễn địa phương.

Đối với hỗ trợ chi hoạt động và trả thù lao cho các hội đặc thù cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ, giao dự toán chi cho các Hội xã hội, nghề nghiệp và Hội đặc thù cấp huyện phù hợp với tình hình thực tế của từng Hội, bảo đảm đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định cho các chức danh của Hội được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Sở Tài

chính chỉ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định cho các chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Chi quốc phòng - an ninh: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ, giao dự toán chi tiết hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm kinh phí hoạt động của các tiểu đội dân quân thường trực, các trung đội, tiểu đội cơ động, binh chủng do cấp huyện quản lý, kinh phí phục vụ cho công tác tôn giáo dân tộc, biên giới,...; kinh phí thực hiện Đề án số 449/ĐA-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ chính sách cho dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An,...

8. Chi quản lý hành chính cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ, giao dự toán chi tiết cho các đơn vị thực hiện, đảm bảo các nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan: Đảng, Quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể,... trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Đối với kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện (bao gồm kinh phí hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc trên địa bàn huyện khi thực hiện chức trách nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn huyện) thực hiện theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An (được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh). Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện chức trách nhiệm vụ trên địa bàn huyện, theo kế hoạch trong phạm vi dự toán được giao.

Đối với kinh phí hoạt động của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài khu vực nhà nước được cấp ủy cấp trên trực tiếp (Huyện ủy) phê duyệt, theo khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định hỗ trợ kinh phí chênh lệch chi hoạt động của tổ chức đảng cấp dưới, sau khi đã sử dụng các nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định.

9. Đối với kinh phí phân bổ sau ngân sách cấp huyện được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ mà đầu năm chưa đủ điều kiện để phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị. Khi phát sinh nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền quyết định, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.



## **Điều 9. Chi thường xuyên ngân sách cấp xã**

1. Dự toán cân đối chi thường xuyên ngân sách cấp xã phân bổ trên nguyên tắc đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định hiện hành, nâng lương định kỳ và kinh phí chi hoạt động của các đơn vị theo từng lĩnh vực. Ngoài một số lĩnh vực có định mức phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các lĩnh vực còn lại được tính toán riêng tùy thuộc yêu cầu nhiệm vụ chi, chế độ chính sách để bố trí phù hợp khả năng cân đối ngân sách. Chi cho các hoạt động nghiệp vụ đặc thù được bố trí trên cơ sở nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để phân bổ dự toán chi tiết đối với từng lĩnh vực để tổ chức thực hiện, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

### **2. Chi quản lý hành chính:**

Chi quản lý nhà nước, ngân sách Đảng, hoạt động Hội đồng nhân dân và các hội cấp xã là nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã, được phân bổ trên nguyên tắc đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác theo quy định (đối với các địa phương có số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có cao hơn số lượng quy định thì được đảm bảo quỹ lương theo số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có).

Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng cơ sở được bố trí theo khả năng cân đối ngân sách và theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ chức đảng cơ sở được giữ ổn định trong giai đoạn 2022-2025).

3. Chi hỗ trợ sự nghiệp bảo đảm xã hội phân bổ trên nguyên tắc đảm bảo đủ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi được quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và công tác bảo đảm xã hội trên địa bàn,...

4. Chi quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; Chi hỗ trợ hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền thanh; Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường; Chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế; Chi hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm cấp xã là nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã, phân bổ trên nguyên tắc đảm bảo quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 04/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập lực lượng quản lý đề nhân dân tỉnh Nghệ An (đối với chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế), thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, văn hoá, thể thao,...

5. Chi hỗ trợ sự nghiệp giáo dục phân bổ trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí hỗ trợ cho Hội Khuyến học, Trung tâm học tập cộng đồng và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn,...

6. Chi khác ngân sách cấp xã được bố trí trên cơ sở nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách.

7. Đối với kinh phí phân bổ sau ngân sách cấp xã được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ mà đầu năm chưa đủ điều kiện để phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị. Khi phát sinh nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền quyết định, bộ phận Tài chính - Kế toán báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị thực hiện. Định kỳ, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm thẩm tra phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp xã theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp phân bổ dự toán ngân sách cấp xã chưa phù hợp, phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán theo kết quả thẩm tra, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước để phối hợp điều chỉnh dự toán cấp 0 trên hệ thống Tabmis. Thời gian hoàn thành công tác thẩm tra trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện dự toán.

#### **Điều 10. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Về quản lý và phân bổ kinh phí: Căn cứ vào chỉ tiêu vốn chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, cơ quan chủ trì quản lý chương trình chủ trì, phối hợp với các chủ dự án thành phần, các sở, ngành, đơn vị và các địa phương có liên quan phân bổ chi tiết theo mục tiêu, nhiệm vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, giao chi tiết cho các đơn vị thực hiện đảm bảo đúng theo quy định. Đồng thời, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

2. Về bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định của Trung ương được huy động từ nhiều nguồn lực, lồng ghép trong nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, cơ chế chính sách; vốn đầu tư công ngân sách địa phương; huy động các nguồn hợp pháp khác,... Đồng thời gắn mã Chương trình mục tiêu Quốc gia và mã dự phòng để theo dõi tổng hợp báo cáo. Các cơ quan chủ quản các chương trình đề xuất các nội dung chi thường xuyên thuộc phạm vi đối ứng lồng ghép, thống nhất với Sở Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ trong dự toán ngân sách năm 2025.

#### **Điều 11. Điều hành ngân sách dự phòng**

Các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 2% đến 4% trên tổng chi cân đối của ngân sách cùng cấp và tối thiểu bằng số trung ương, tỉnh giao (không tính các khoản ghi thu - ghi chi, các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, chi đầu tư phát triển từ nguồn thu sử dụng đất (đối với cấp huyện, xã),...) để chi các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật

Ngân sách nhà nước; thẩm quyền quyết định sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 12. Điều hành nguồn bổ sung có mục tiêu**

1. Các địa phương không được giao thực hiện tự chủ đối với các chính sách bổ sung có mục tiêu. Mức rút dự toán tối đa không được vượt quá mức bổ sung theo thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên.

2. Đối với bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được rút ngay từ đầu năm: Giao các ngành, cơ quan chủ quản xác định đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi kinh phí còn dư, bổ sung kinh phí còn thiếu cho các đơn vị thực hiện.

3. Đối với bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được rút khi có hồ sơ được thẩm định, thông báo bổ sung. Ủy ban nhân dân cấp dưới chủ động triển khai thực hiện ngay từ đầu năm và hoàn thiện các thủ tục hồ sơ theo quy định, gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để thẩm định thông báo mức rút dự toán bổ sung, đồng thời nhập dự toán trên hệ thống Tabmis cho ngân sách cấp dưới thực hiện.

4. Đối với các chính sách chưa được bố trí kinh phí trong dự toán đầu năm: Giao các ngành, cơ quan chủ quản xác định đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

5. Đối với kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí người hoạt động kháng chiến đã từ trần: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xét duyệt, tổng hợp danh sách đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện chính sách), trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31/10/2025 quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hưởng chính sách và nguồn kinh phí để các đơn vị triển khai thực hiện.

6. Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ, chiến đấu trị an cấp xã theo kế hoạch của tỉnh được quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Căn cứ kế hoạch diễn tập của cấp có thẩm quyền, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tổng hợp kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho các đơn vị triển khai thực hiện.

7. Kinh phí mở các lớp dạy sơ cấp và trung cấp nghề thuộc cấp huyện quản lý: Căn cứ chỉ tiêu dạy nghề do ngân sách nhà nước đảm bảo được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các trường trung cấp nghề thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ, giao dự toán cho trường trung cấp nghề ngay từ đầu năm. Trường hợp trong năm có thay đổi về chỉ tiêu dạy nghề, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối tượng được đào tạo nghề và nhu cầu kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kinh phí thực hiện (nếu có) theo quy định.

8. Kinh phí thực hiện chính sách nâng cấp bến khách, thuyền vận chuyển khách ngang sông theo Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra xác nhận khối lượng hoàn thành (trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện), gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho đơn vị.

9. Đối với các huyện, thành phố, thị xã và các xã có quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để khen thưởng cho các huyện, thành phố, thị xã, các xã và các hộ gia đình theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định lựa chọn danh mục công trình phúc lợi trên địa bàn, gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho đơn vị để thực hiện. Trên cơ sở đề nghị của các hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp đề nghị khen thưởng, gửi Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh thẩm định tổng hợp gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí thưởng cho các hộ gia đình.

10. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho địa phương sản xuất lúa theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa: bổ sung có mục tiêu giao đầu năm trong dự toán chi ngân sách cấp huyện. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ, được xác định theo số liệu thống kê đất đai của cấp có thẩm quyền công bố của năm liền kề trước năm phân bổ ngân sách, gửi Sở Tài chính trước ngày 30/4/2025 để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi kinh phí còn dư, cấp bổ sung kinh phí còn thiếu cho các đơn vị triển khai thực hiện.

11. Đối với kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và chính sách cán bộ dôi dư, nghỉ việc: Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định danh sách đối tượng và nhu cầu kinh phí theo phân cấp quản lý, tổng hợp gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10/2025 để thẩm định dự toán kinh phí thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho các đơn vị để chi trả chính sách cho đối tượng theo quy định.

12. Đối với kinh phí thực hiện các chính sách y tế cấp huyện: Kinh phí thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám chữa bệnh theo Quyết định số 124/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hỗ trợ chi thường xuyên khám, chữa bệnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế (nếu thiếu); Kinh phí tăng giường bệnh; Kinh phí đối với cán bộ công chức, viên chức ngành y tế công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị

định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ (nếu thiếu); Kinh phí bác sỹ nghỉ hưu hợp đồng tại trạm y tế xã theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Y tế xét duyệt, tổng hợp danh sách đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện chính sách), trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31/10/2025 để quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hưởng chính sách và nguồn kinh phí để các đơn vị triển khai thực hiện.

13. Đối với kinh phí tổ chức đại hội đảng cấp huyện, cấp xã: Cấp ngân sách, cơ quan, tổ chức bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức đảng nào thì bảo đảm kinh phí tổ chức đại hội của tổ chức đảng đó theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Giao Sở Tài chính căn cứ đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy và khả năng cân đối ngân sách để tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ cho các địa phương kinh phí tổ chức đại hội đảng cấp huyện, cấp xã.

### **Điều 13. Chấp hành ngân sách nhà nước**

#### **1. Tổ chức điều hành ngân sách:**

Cơ quan tài chính căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhu cầu chi trong quý, lập phương án điều hành ngân sách quý của cấp mình bảo đảm nguồn để chi trong dự toán, đúng chế độ.

2. Mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn; quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; quy định pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan, các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng và quản lý tài sản thuyết minh chi tiết về tài sản, trang thiết bị có nhu cầu mua sắm để bổ sung, thay mới, hoặc sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị trong năm từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước gửi cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan quản lý cấp trên thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính các cấp (đối với các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp thì gửi trực tiếp Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cùng cấp).

Cơ quan tài chính các cấp tổng hợp đề xuất của các đơn vị, đảm bảo phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức và khả năng cân đối ngân sách đề trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị. Đối với kinh phí đã bố trí trong dự toán năm 2025: Các cơ quan đơn vị chỉ được phép sử dụng sau khi đã có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

Đối với mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung, phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản liên quan.

### 3. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội và quy định pháp luật khác có liên quan.

### 4. Xử lý kinh phí đột xuất:

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh hạn chế xem xét xử lý hỗ trợ kinh phí đột xuất cho các ngành, các cấp, các đơn vị. Khi phát sinh các nhiệm vụ mới, các cấp, các ngành, các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán được giao. Sau khi tự sắp xếp để thực hiện nhiệm vụ trên mà kinh phí vẫn không đảm bảo được thì đến tháng 7 năm 2025 có văn bản đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét.

Trên cơ sở nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu và cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### 5. Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, các đoàn Thanh tra:

Căn cứ Thông báo Kết luận của Kiểm toán nhà nước và các đoàn Thanh tra về kết quả kiểm toán, thanh tra tại các ngành, cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã: ủy quyền cho Sở Tài chính thông báo giám trừ dự toán chi thường xuyên của các ngành, cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã; Thông báo phải ghi rõ số kinh phí giảm trừ tương ứng nhiệm vụ chi theo kiến nghị Kiểm toán nhà nước và Thanh tra chuyên ngành về niên độ ngân sách. Trên cơ sở thông báo giám trừ dự toán chi thường xuyên của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo giám trừ dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các xã, phường, thị trấn.

6. Đối với quỹ tiền thưởng của các cơ quan đơn vị theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ:

Đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì phải nộp trả vào ngân sách các cấp theo quy định không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

### 7. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước:

Việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 52, Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phải trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán, các cơ quan, đơn vị phải rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị điều chỉnh, gửi Sở Tài chính

trước ngày 31/10/2025 để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền đảm bảo kịp thời hạn theo quy định.

8. Nguồn cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên của ngân sách các cấp năm 2024 quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ chưa sử dụng hết được chuyển sang năm 2025 và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 14443/BTC-NSNN ngày 28/12/2024.

#### **Điều 14. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm**

Quyết toán ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm và các quy định pháp luật hiện hành. Thời hạn xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách năm quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã. Nghị quyết phê chuẩn quyết toán cấp huyện gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 9 năm sau. Sở Tài chính tổng hợp lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước; đồng thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn quyết toán theo quy định.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó. Trường hợp các nội dung không được quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Trường hợp tên gọi của các cơ quan, đơn vị nêu tại quy định này thay đổi do sắp xếp lại tổ chức bộ máy thì thực hiện theo tên gọi sau khi sắp xếp.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ các nội dung tại quy định này, các chế độ, chính sách hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương, xây dựng phương án quản lý, điều hành ngân sách cụ thể của cấp ngân sách, của đơn vị. Quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí và tài sản được giao để phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và nhiệm vụ chính trị địa phương, đơn vị.

3. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện phân bổ, giao dự toán và tổ chức triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các cấp, các ngành tăng cường công tác tự kiểm tra; đẩy mạnh các hoạt động thanh tra tài chính nhằm kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh các sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản và thực hiện chế độ kế toán thống kê.

5. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai nghiêm túc các nội dung quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, giải quyết kịp thời./.

*Ơ*



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH NGHỆ AN**

**PHỤ LỤC**  
**THỜI GIAN PHÂN BỐ CÁC KHOẢN PHÂN BỐ SAU ĐỐI VỚI CÁC CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH NĂM 2025**

| STT | Tên cơ chế chính sách   | Cơ quan chủ trì                    | Thời hạn phân bổ      |
|-----|---|------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 20/6/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An   | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Trước ngày 31/10/2025 |
| 2   | Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Trước ngày 31/10/2025 |
| 3   | Kinh phí thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non  | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Trước ngày 31/10/2025 |
| 4   | Kinh phí đào tạo nghề cho trường trung cấp nghề thuộc huyện   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Trước ngày 31/10/2025 |
| 5   | Kinh phí thực hiện Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện (Hỗ trợ tiền điện)  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Trước ngày 31/10/2025 |
| 6   | Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang   | UBND các huyện, thành phố, thị xã  | Trước ngày 31/10/2025 |

| STT | Tên cơ chế chính sách  | Cơ quan chủ trì                                      | Thời hạn phân bổ      |
|-----|--|--|-----------------------|
| 7   | Nâng cấp bến khách thuyền vận chuyển qua sông theo quy định tại Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2028 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng , nâng cấp bến khách , đóng, mua mới thuyền vận chuyển khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An | Sở Giao thông Vận tải                                | Trước ngày 31/10/2025 |
| 8   | Chính sách hỗ trợ xi măng làm đường Giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025  | Sở Tài chính   | Trước ngày 31/10/2025 |
| 9   | Chính sách thưởng và vườn chuẩn trong xây dựng Nông thôn mới theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính | Trước ngày 31/10/2025 |
| 10  | Đối ứng vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn               | Trước ngày 31/10/2025 |
| 11  | Chính sách hỗ trợ đầu tư bể bơi và tổ chức dạy bơi theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư bể bơi và tổ chức dạy bơi cho trẻ em tỉnh Nghệ An   | Sở Văn hóa và Thể thao                               | Trước ngày 31/10/2025 |
| 12  | Chính sách hỗ trợ người trông coi di tích theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.   | Sở Văn hóa và Thể thao                               | Trước ngày 31/10/2025 |
| 13  | Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với Nghệ nhân, câu lạc bộ trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể   | Sở Văn hóa và Thể thao                               | Trước ngày 31/10/2025 |

| STT | Tên cơ chế chính sách  | Cơ quan chủ trì                    | Thời hạn phân bổ      |
|-----|--|------------------------------------|-----------------------|
| 14  | Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025                                      | Sở Du lịch                         | Trước ngày 31/10/2025 |
| 15  | Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Trước ngày 31/10/2025 |
| 16  | Chính sách mô hình văn hóa tiêu biểu theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An  | Sở Văn hóa và Thể thao             | Trước ngày 31/10/2025 |
| 17  | Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa trong Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025       | Sở Văn hóa và Thể thao             | Trước ngày 31/10/2025 |
| 18  | Kinh phí hỗ trợ với cán bộ, công chức và các đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính   | Sở Nội vụ                          | Trước ngày 31/10/2025 |
| 19  | Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An                              | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Trước ngày 31/10/2025 |

| STT | Tên cơ chế chính sách  | Cơ quan chủ trì                        | Thời hạn phân bổ             |
|-----|--|--|------------------------------|
| 20  | Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024-2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Trước ngày 31/10/2025        |
| 21  | Kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Theo hồ sơ thực tế phát sinh |
| 22  | Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/07/2023 của HĐND tỉnh Nghệ An   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Trước ngày 30/06/2025        |
| 23  | Kinh phí thực hiện hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/07/2023 của HĐND tỉnh Nghệ An  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Theo thực tế phát sinh       |